

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2019

V/v: Ly hôn giữa bà V và ông D

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Hải.

2. Ông Tống Văn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019, về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thu V, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Số 12/01 đường Y L, xã Đại L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Lê Hoàng D, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Số 12/01 đường Y L, xã Đại L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà V và ông D có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hồ Thị Thu V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Hoàng D có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 18/6/2007 trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Đại L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau cho đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách suy nghĩ khác nhau, không có sự cảm thông, chia sẻ. Vợ chồng thường

xảy ra tranh cãi và không còn sự tôn trọng lẫn nhau. Từ năm 2014 cho đến nay tuy bà và ông D sống chung một nhà nhưng hai bên không còn tình cảm gì với nhau, mạnh ai nấy sống không quan tâm hỏi han gì nhau. Vì các con nên bà cố gắng hàn gắn nhưng ông D sống không có trách nhiệm với vợ con, không chăm lo cho gia đình, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình do một mình bà gánh vác. Hôn nhân giữa bà và ông D ngày càng trở nên nặng nề. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông D, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Hoàng Bảo Ng, sinh ngày 01/10/2007; Lê Hoàng Bảo T, sinh ngày 04/5/2009. Hiện nay 02 con đang sống với vợ chồng bà. Khi ly hôn bà đề nghị được nuôi 02 con chung và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 1.000.000đ/tháng cho đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà khai không có.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Hoàng D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà V chung sống và đăng ký kết hôn như bà V trình bày là đúng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường cho đến năm 2014 thì do điều kiện công việc làm ăn của ông không còn thuận lợi, kinh tế khó khăn do đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng cũng có một vài lần lời qua tiếng lại, những lần như vậy ông im lặng và bỏ đi để tránh xung đột. Tuy cùng sống chung một nhà nhưng vợ chồng không nói chuyện với nhau nữa, bà V tự quyết định mọi vấn đề trong gia đình mà không hề trao đổi, bàn bạc gì với ông. Vì thương các con còn nhỏ nên ông cũng không có ý kiến hay làm ảnh hưởng đến quyết định riêng tư của bà V. Nay bà V yêu cầu ly hôn thì ông không mong muốn nhưng bà V cương quyết ly hôn thì ông cũng chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như bà V trình bày là đúng. Hiện nay 02 con đang sống cùng ông và bà V. Khi ly hôn ông đề nghị được nuôi 02 con và không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp Tòa án giao 02 con cho bà V nuôi dưỡng thì ông cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung: Ông và bà V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông khai không có.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thị Thu V đối với ông Lê Hoàng D; về con chung: giao 02 con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung 2.000.000đ/tháng; về tài sản chung: Bà V và ông D không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: Các đương sự khai không có; về án phí: Bà V và ông D phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Hồ Thị Thu V và ông Lê Hoàng D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà V và ông D có mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp về cách sống. Giữa bà V và ông D cũng xảy ra xích mích, cãi vã. Tuy sống chung một nhà nhưng bà V và ông D không quan tâm gì đến nhau, mạnh ai nấy sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tại phiên tòa bà V vẫn kiên quyết xin được ly hôn với ông D vì không còn tình cảm gì. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, người thân cho thấy vợ chồng bà V và ông D sống không hạnh phúc. Phía ông D thừa nhận tuy sống chung nhà nhưng giữa ông và bà V cũng không có sự trao đổi, mạnh ai nấy sống không quan tâm gì đến nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân của bà V và ông D đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V là có căn cứ.

[2]. Về con chung: Xét nguyện vọng nuôi 02 con chung của bà V thấy rằng: Bà V hiện nay có công việc và thu nhập ổn định. Hai con chung của bà V và ông D đều có nguyện vọng được sống với bà V và mong muốn chị em được sống cùng nhau nên giao con Lê Hoàng Bảo Ng, sinh ngày 01/10/2007 và Lê Hoàng Bảo T, sinh ngày 04/5/2009 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ông D có nghĩa vụ

cấp dưỡng nuôi 02 con chung một tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi các con trưởng thành.

[3]. Về tài sản chung: Ông D và bà V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Ông D và bà V đều khai không có, trong quá trình giải quyết vụ án không có ai tranh chấp gì nên không xem xét.

[5]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), ông D phải chịu án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Hồ Thị Thu V và ông Lê Hoàng D.
2. Về con chung: Giao con chung Lê Hoàng Bảo Ng, sinh ngày 01/10/2007 và Lê Hoàng Bảo T, sinh ngày 04/5/2009 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung một tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi các con thành niên.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Ông D và bà V không yêu cầu giải quyết.
4. Về nợ chung: Ông D và bà V đều khai không có.
5. Về án phí: Bà Hồ Thị Thu V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0005311 ngày

03/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Hoàng D phải chịu án phí cấp dưỡng định kỳ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- + Các đương sự;
- + VKSND thành phố B;
- + T.H.A thành phố B;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + UBND xã Đại L, thành phố B;
- + Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hiền